

Số: ~~471~~ /QĐ-UBND

Bình Định, ngày **09** tháng 02 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền  
giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bình Định**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 69/TTr-SNN ngày 31/01/2018,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bình Định theo Quyết định số 4440/QĐ-BNN-TCTL ngày 28/10/2016, Quyết định số 728/QĐ-BNN-CN ngày 14/3/2017, Quyết định số 4441/QĐ-BNN-BVTV ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (*Phụ lục 1 kèm theo*).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế, bãi bỏ các thủ tục hành chính trong lĩnh vực Thủy lợi đã được UBND tỉnh Bình Định công bố tại Quyết định số 594 /QĐ-UBND ngày 18/8/2009 (*Phụ lục 2 kèm theo*).

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

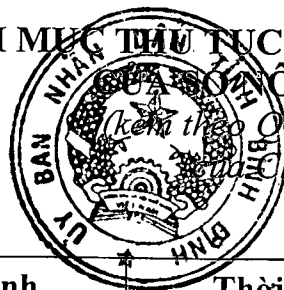
**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC, Văn phòng Chính phủ;
- TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- TT Công báo, TT Tin học tỉnh;
- Lưu: VT, P.KSTTHC.



**Phan Cao Thắng**

**Phụ lục 1**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT**  
**CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT TỈNH BÌNH ĐỊNH**  
*(kèm theo Quyết định số ~~471~~ /QĐ-UBND ngày 09/ 02 /2018*  
*của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định)*



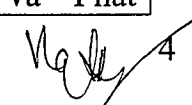
| TT                           | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                                                                                                                                                                       | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                                                                                                           | Địa điểm thực hiện                                                        | Phí, lệ phí<br>(nếu có) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                      |
|------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|-------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>I. Lĩnh vực Chăn nuôi</b> |                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                               |                                                                           |                         |                                                                                                                                                                                                                                     |
| 1                            | Cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (Certificate of Free Sale CFS) đối với Giống vật nuôi (bao gồm phôi, tinh, con giống vật nuôi); Thức ăn chăn nuôi, chất bổ sung vào thức ăn chăn nuôi; Môi trường pha chế, bảo quản tinh, phôi động vật; Vật tư, hóa chất chuyên dùng trong chăn nuôi     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời hạn thẩm tra hồ sơ: Không quá 02 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đăng ký.</li> <li>- Thời hạn cấp Giấy chứng nhận CFS: Không quá 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ.</li> </ul> | Chi cục Chăn nuôi và Thú y<br>Số 91/1 Nguyễn Thái Học, Thành phố Quy Nhơn | Không                   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Điều 9 Thông tư 19/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ trưởng Bộ NN&amp;PTNT</li> <li>- Thông tư số 63/2010/TT-BNNPTNT ngày 01/11/2010 của Bộ trưởng Bộ NN&amp;PTNT</li> </ul>           |
| 2                            | Cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành tự do (Certificate of Free Sale-CFS) đối với Giống vật nuôi (bao gồm phôi, tinh, con giống vật nuôi); Thức ăn chăn nuôi, chất bổ sung vào thức ăn chăn nuôi; Môi trường pha chế, bảo quản tinh, phôi động vật; Vật tư, hóa chất chuyên dùng trong chăn nuôi | Thời hạn thẩm tra hồ sơ: Không quá 04 ngày làm việc kể từ khi nhận được đơn đề nghị cấp lại CFS.                                                                                                                                              | Chi cục Chăn nuôi và Thú y<br>Số 91/1 Nguyễn Thái Học, Thành phố Quy Nhơn | Không                   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Điều 9 Thông tư số 19/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ trưởng Bộ NN&amp;PTNT</li> <li>- Điều 7 Thông tư số 63/2010/TT-BNNPTNT ngày 01/11/2010 của Bộ trưởng Bộ NN&amp;PTNT</li> </ul> |

Vbđh 2

| II. Lĩnh vực Thủy lợi |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                                                                                                                               |                                                             |       |                                                                                                                                                                                         |
|-----------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|-------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1                     | Cấp giấy phép cho hoạt động trồng cây lâu năm thuộc rễ ăn sâu trên 1m trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền giải quyết UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định                                                                                                                                      | Chi cục Thủy lợi<br>Số 15 Lý Thái Tổ,<br>Thành phố Quy Nhơn | Không | - Khoản 3 Điều 1, Quyết định 55/2004/QĐ-BNN ngày 01/11/2004 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn<br>- Điều 1, Thông tư 21/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT |
| 2                     | Cấp giấy phép cho hoạt động giao thông vận tải của xe cơ giới trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, trừ các trường hợp sau: a) Các loại xe mô tô hai bánh, xe gắn máy, xe cơ giới dùng cho người tàn tật; b) Xe cơ giới đi trên đường giao thông công cộng trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi; c) Xe cơ giới đi qua công trình thủy lợi kết hợp đường giao thông công cộng có trọng tải, kích thước phù hợp với tiêu chuẩn thiết kế của công trình thủy lợi | 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.                                                                                                                                     | Chi cục Thủy lợi<br>Số 15 Lý Thái Tổ,<br>Thành phố Quy Nhơn | Không | - Khoản 5 Điều 1, Quyết định 55/2004/QĐ-BNN ngày 01/11/2004 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn<br>- Điều 1, Thông tư 21/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT |
| 3                     | Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi được quy định tại khoản 2, 3, 5, 6, 7, 8 Điều 1 Quyết định 55/2004/QĐ-BNN ngày 01/11/2004 của Bộ Nông nghiệp và PTNT                                                                                                                                                                                                                                                | - Đối với hoạt động quy định tại khoản 2 : thời hạn cấp giấy phép là 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.<br>- Đối với hoạt động quy định tại khoản 3, khoản 5: thời hạn | Chi cục Thủy lợi<br>Số 15 Lý Thái Tổ,<br>Thành phố Quy Nhơn | Không | - Điểm b, khoản 1, Điều 7 Quyết định 55/2004/QĐ-BNN ngày 01/11/2004 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn<br>- Điều 1, Thông tư 21/2011/TT-BNNPTNT                                 |

*Nguyễn* 3

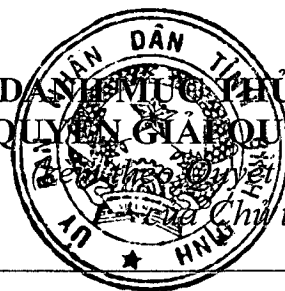
|   |                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                             |       |                                                                                                                                                                                                              |
|---|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|-------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|   |                                                                                                                                                                                                                       | <p>cấp giấy phép là 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.</p> <p>- Đối với hoạt động quy định tại khoản 4, khoản 6, khoản 7, khoản 8: thời hạn cấp giấy phép là 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.</p> |                                                             |       | ngày 06/4/2011 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT                                                                                                                                                                      |
| 4 | Cấp giấy phép cho các hoạt động xây dựng kho, bến bãi, bốc dỡ; tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện; xây dựng chuồng trại chăn thả gia súc, nuôi trồng thủy sản; chôn phế thải, chất thải   | 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.                                                                                                                                                                                         | Chi cục Thủy lợi<br>Số 15 Lý Thái Tổ,<br>Thành phố Quy Nhơn | Không | <p>- Khoản 6, 7, 8 Điều 1, Quyết định 55/2004/QĐ-BNN ngày 01/11/2004 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</p> <p>- Điều 1, Thông tư 21/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ trưởng Bộ NN&amp;PTNT</p> |
| 5 | Cấp giấy phép xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi thuộc tỉnh quản lý; hệ thống công trình thủy lợi liên tỉnh, công trình thủy lợi quan trọng quốc gia với lưu lượng xả nhỏ hơn 1000m <sup>3</sup> /ngày đêm | 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.                                                                                                                                                                                         | Chi cục Thủy lợi<br>Số 15 Lý Thái Tổ,<br>Thành phố Quy Nhơn | Không | <p>- Khoản 2 Điều 8, Quyết định 56/2004/QĐ-BNN ngày 01/11/2004 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</p> <p>- Điều 1, Thông tư 21/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ trưởng Bộ NN&amp;PTNT</p>       |
| 6 | Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi thuộc tỉnh quản lý; hệ thống công trình thủy lợi liên                                                                            | 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.                                                                                                                                                                                         | Chi cục Thủy lợi<br>Số 15 Lý Thái Tổ,<br>Thành phố Quy Nhơn | Không | - Khoản 2 Điều 8, Quyết định 56/2004/QĐ-BNN ngày 01/11/2004 của Bộ Nông nghiệp và Phát                                                                                                                       |

 4

|                                                          |                                                                                                      |                                                                                                                                                                               |                                                                                   |                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                    |
|----------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                                          | tính, công trình thủy lợi quan trọng quốc gia với lưu lượng xả nhỏ hơn 1000m <sup>3</sup> /ngày đêm  |                                                                                                                                                                               |                                                                                   |                                                                                                                                                                                   | triển nông thôn<br>- Điều 1, Thông tư 21/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT                                                                                                                   |
| <b>III. Lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</b> |                                                                                                      |                                                                                                                                                                               |                                                                                   |                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                    |
| 1                                                        | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón đối với cơ sở chỉ hoạt động đóng gói phân bón     | 20 ngày làm việc (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ)                                                                                                                            | Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật<br>Số 815 Hùng Vương,<br>Thành phố Quy Nhơn | - Phân vô cơ:<br>1.200.000 đồng (Theo quy định tại Thông tư 170/2016/T T-BTC).<br>- Phân hữu cơ và phân bón khác:<br>6.000.000 đồng (Theo quy định tại Thông tư 207/2016/T T-BTC) | - Nghị định số 108/2017/NĐ-CP ngày 20/9/2017 của Chính phủ<br>- Thông tư số 207/2016/TT-BTC ngày 09/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính<br>- Thông tư số 170/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính |
| 2                                                        | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón đối với cơ sở chỉ hoạt động đóng gói phân bón | - 20 ngày làm việc (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ) đối với trường hợp cấp lại khi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón hết hạn.<br>- 05 ngày làm việc (kể từ ngày | Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật<br>Số 815 Hùng Vương,<br>Thành phố Quy Nhơn | Phân hữu cơ và phân bón khác:<br>2.500.000 (Theo quy định tại                                                                                                                     | - Nghị định số 108/2017/NĐ-CP ngày 20/9/2017 của Chính phủ<br>- Thông tư số 207/2016/TT-BTC ngày 09/11/2016 của Bộ                                                                                                 |

|   |                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                   |                            |                                                                                                                                                                                                           |
|---|-------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|   |                                                                   | nhận đủ hồ sơ hợp lệ) đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón bị mất, hư hỏng, thay đổi nội dung thông tin ghi trên Giấy chứng nhận.                                                         |                                                                                   | Thông tư 207/2016/T T-BTC) | trưởng Bộ Tài chính                                                                                                                                                                                       |
| 3 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón                | 10 ngày làm việc (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ)                                                                                                                                                                             | Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật<br>Số 815 Hùng Vương,<br>Thành phố Quy Nhơn | Chưa có quy định           | Nghị định số 108/2017/NĐ-CP ngày 20/9/2017 của Chính phủ                                                                                                                                                  |
| 4 | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón            | 05 ngày làm việc (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ)                                                                                                                                                                             | Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật<br>Số 815 Hùng Vương,<br>Thành phố Quy Nhơn | Chưa có quy định           | Nghị định số 108/2017/NĐ-CP ngày 20/9/2017 của Chính phủ                                                                                                                                                  |
| 5 | Xác nhận nội dung quảng cáo phân bón và đăng ký hội thảo phân bón | <p>- 10 ngày làm việc (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ) đối với trường hợp xác nhận nội dung quảng cáo phân bón.</p> <p>- 01 ngày làm việc (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ) đối với trường hợp đăng ký hội thảo phân bón.</p> | Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật<br>Số 815 Hùng Vương,<br>Thành phố Quy Nhơn | Chưa có quy định           | <p>- Nghị định số 108/2017/NĐ-CP ngày 20/9/2017 của Chính phủ về quản lý phân bón</p> <p>- Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quảng cáo</p> |





Phụ lục 2

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THAY THẾ, BỎ BỎ  
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT TỈNH BÌNH ĐỊNH**

định số **471** /QĐ-UBND ngày **09** / 02 /2018

*của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định)*

| TT                       | Mã số TTHC      | Tên TTHC                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Căn cứ pháp lý                                                                                  | Ghi chú  |
|--------------------------|-----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| <b>Lĩnh vực Thủy lợi</b> |                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                                 |          |
| 1                        | T-BDI-144497-TT | Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Thông tư 21/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Thay thế |
| 2                        | T-BDI-144504-TT | Cấp giấy phép cho các hoạt động giao thông vận tải của xe cơ giới trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, trừ các trường hợp sau:<br>a) Các loại xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh, xe gắn máy, xe cơ giới dùng cho người tàn tật;<br>b) Xe cơ giới đi trên đường giao thông công cộng trong phạm vi bảo vệ CTTL;<br>c) Xe cơ giới đi qua công trình thủy lợi kết hợp đường giao thông công cộng có tải trọng, kích thước phù hợp với tiêu chuẩn thiết kế của công trình thủy lợi | Thông tư 21/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Thay thế |
| 3                        | T-BDI-144508-TT | Cấp giấy phép cho hoạt động trồng cây lâu năm thuộc loại rễ ăn sâu trên 1m trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Thông tư 21/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Thay thế |
| 4                        | T-BDI-144512-TT | Gia hạn sử dụng, điều chỉnh nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Thông tư 21/2011/TT-BNNPTNT                                                                     | Thay thế |

*Nguyễn* 7

|   |                  |                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                             |          |
|---|------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
|   |                  | giấy phép xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi                                                                                                                                                                                            | ngày 06/4/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn                                                                                                                                         |          |
| 5 | T-BDI-144513-TT  | Cấp giấy phép xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi                                                                                                                                                                                        | Thông tư 21/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn                                                                                                             | Thay thế |
| 6 | T-BDI-144507-TT  | Cấp giấy phép cho hoạt động nổ mìn và các hoạt động gây nổ không gây tác hại khác trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi                                                                                                                         | - Điều 7, Quyết định 55/2004/QĐ-BNN ngày 01/11/2004 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn<br>- Điều 1, Thông tư 21/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Bãi bỏ   |
| 7 | TT-BDI-144500-TT | Cấp giấy phép cho việc khai thác các hoạt động du lịch, thể thao có mục đích kinh doanh; hoạt động nghiên cứu khoa học làm ảnh hưởng đến vận hành, an toàn công trình và các hoạt động kinh doanh dịch vụ trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi | - Điều 7, Quyết định 55/2004/QĐ-BNN ngày 01/11/2004 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn<br>- Điều 1, Thông tư 21/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Bãi bỏ   |

